

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “Đạt”, “Không Đạt”. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Nhà thầu độc lập và nhà thầu liên danh đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Trường hợp tiêu chí tổng quát gồm nhiều tiêu chí chi tiết thì tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|---|------------------|
| I | Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công | | |
| 1 | Hiểu biết và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu | | |
| 1.1 | Hiểu biết về dự án và gói thầu: Trình bày được quy mô, phạm vi gói thầu, giải pháp kỹ thuật; phân tích, đánh giá vị trí công trình, mặt bằng công trình; giao thông, các điều kiện tự nhiên khu vực của dự án, thuận lợi, khó khăn khi thi công. | Trình bày đầy đủ, hợp lý các nội dung hiểu biết về dự án và gói thầu | Đạt |
| | | Trình bày không đầy đủ hoặc không hợp lý các nội dung hiểu biết về dự án và gói thầu | Không đạt |
| 1.2 | Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, cấp điện, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. - Vị trí đặt Ban chỉ huy công trường: Nhà thầu phải có thuyết minh vị trí Ban chỉ huy công trường rõ ràng, cụ thể, hợp lý và khả thi.. | Có giải pháp kỹ thuật và Bản vẽ Tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng Thuyết minh vị trí đặt Ban chỉ huy công trường hợp lý, khả thi và phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình và Kèm bản vẽ bố trí mặt bằng tổ chức công trường hợp lý khả thi. | Đạt |
| | | Không có giải pháp kỹ thuật hoặc Không có Bản vẽ Tổ chức mặt bằng công trường hoặc có nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|---|------------------|
| | | và hiện trạng công trình xây dựng Hoặc vị trí đặt Ban chỉ huy công trường Không hợp lý, không khả thi hoặc Không phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình | |
| 1.3 | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận. | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường; Cán bộ kỹ thuật; Cán bộ An toàn lao động. | Đạt |
| | | Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng người hoặc có nhưng không hợp lý | Không đạt |
| 1.4 | Giải pháp thi công tổng thể cho từng hạng mục chính của công trình. | Có trình bày giải pháp thi công tổng thể cho công trình phù hợp với bảng tiến độ thi công và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng | Đạt |
| | | Không có giải pháp hoặc có nhưng giải pháp thi công tổng thể cho công trình không phù hợp với bảng tiến độ thi công hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng | Không đạt |
| 2 | Biện pháp tổ chức thi công | | |
| 2.1 | Biện pháp thi công: Nền, mặt đường. | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V –Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT cũng như Bản vẽ thi công được phê duyệt | Đạt |
| | | Không có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, khả thi hoặc có nhưng không phù hợp với đề xuất về tiến độ hoặc Không đáp ứng yêu cầu về | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|--|---|------------------|
| | | kỹ thuật theo quy định tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT cũng như Bản vẽ thi công được phê duyệt | |
| 2.2 | Biện pháp thi công thoát nước, kê đá | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT cũng như Bản vẽ thi công được phê duyệt. | Đạt |
| | | Không có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, khả thi hoặc có nhưng không phù hợp với đề xuất về tiến độ hoặc Không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT cũng như Bản vẽ thi công được phê duyệt | Không đạt |
| 2.3 | Biện pháp thực hiện đảm bảo giao thông trong quá trình thi công | Có thuyết minh giải pháp thực hiện hợp lý, khả thi | Đạt |
| | | Không trình bày nội dung hoặc có trình bày nhưng nội dung không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| 2.4 | Công tác tổ chức nghiệm thu và bàn giao công trình | Có trình bày nội dung về nghiệm thu và bàn giao công trình đầy đủ, hợp lý, khả thi. | Đạt |
| | | Không trình bày nội dung về nghiệm thu và bàn giao công trình hoặc có trình bày nhưng nội dung không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| 3 | Khả năng cung cấp thiết bị, vật tư, vật liệu để thi công công trình | | |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----|--|---|------------------|
| 3.1 | <p>Mức độ đáp ứng về vật liệu: Đối với các vật tư, vật liệu chính: 1. Xi măng các loại; 2. Đá các loại, cấp phối đá dăm; 3. Cát các loại; 4. Sắt thép các loại; 5. Gạch không nung; 6. Đất đắp; 7. Bê tông nhựa;</p> <p>- Có kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực đối với tất cả các vật tư, vật liệu chính nêu trên.</p> <p>- Có đầy đủ các tài liệu chứng minh khả năng cung cấp các loại vật tư, vật liệu gồm:</p> <p>+ Trong trường hợp Nhà thầu là đơn vị cung cấp vật liệu: Cung cấp Hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất với tư cách là đơn vị bán hàng với đầy đủ các chủng loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT từ năm 2024 trở lại đây.</p> <p>+ Trong trường hợp nhà thầu không phải là đơn vị trực tiếp cung cấp vật tư, vật liệu thì phải có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của các nhà cung cấp (kèm theo bản chụp được chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh và hóa đơn bán hàng với đầy đủ các chủng loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT đã ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp).</p> <p>+ Trong trường hợp nhà thầu là đơn vị sản xuất: Cung cấp</p> | <p>-Nêu đầy đủ, đáp ứng yêu cầu kèm theo đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu</p> | Đạt |
| | | <p>Không nêu hoặc nêu không đầy đủ hoặc không đáp ứng hoặc không có đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu</p> | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|---|---|------------------|
| | đầy đủ tài liệu chứng minh vật tư, vật liệu, thiết bị theo quy định. | | |
| II | Tiến độ thi công | | |
| 1 | Thời gian hoàn thành công trình không quá 600 ngày kể từ ngày khởi công. Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công. | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 600 ngày . Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công | Đạt |
| | | Đề xuất thời gian thi công vượt quá 600 ngày . Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công | Không đạt |
| 2 | Biểu đồ tiến độ thi công, Biểu đồ huy động nhân sự, thiết bị hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và Bản vẽ thi công | + Bảng chia tiến độ thi công các hạng mục phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc hợp lý, khả thi; + Biểu đồ huy động nhân lực theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu; + Biểu đồ huy động Thiết bị theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu; | Đạt |
| | | Có ít nhất 01 nội dung ở trên không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| 3 | Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ | Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi | Đạt |
| | | Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|------------|--|---|------------------|
| | đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ. | khả thi | |
| III | Cách thức quản lý dự án | | |
| 1 | Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường. | | |
| 1.1 | Trình bày cách thức quản lý dự án của nhà thầu bao gồm: Cách thức tổ chức quản lý dự án, cách thức tổ chức quản lý hiện trường | Nhà thầu trình bày cách thức quản lý dự án của nhà thầu bao gồm: Cách thức tổ chức quản lý dự án, cách thức tổ chức quản lý hiện trường | Đạt |
| | | Nhà thầu không trình bày cách thức quản lý dự án của nhà thầu bao gồm: Cách thức tổ chức quản lý dự án, cách thức tổ chức quản lý hiện trường hoặc có nêu nhưng không phù hợp | Không đạt |
| 2 | Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động; | | |
| 2.1 | Bảo vệ môi trường: Các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế và giảm thiểu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công. | <p>Vệ sinh môi trường: có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công.</p> <p>a. Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh;</p> <p>b. Đảm bảo trật tự, trị an trong quá trình xây dựng;</p> <p>c. Hoàn trả mặt bằng, các công trình giao thông sau khi thi công xong.</p> <p>d. Phương án xử lý đồ thải trong quá trình thi công</p> | Đạt |
| | | Không có biện pháp Bảo vệ môi trường hoặc có biện pháp bảo vệ môi trường nhưng không đầy đủ nội dung, không hợp lý, không khả thi, | Không đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---|---|------------------|
| | | không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | |
| 2.2 | Phòng chống cháy nổ: Các giải pháp cụ thể cho từng công việc xây lắp, khu vực để vật tư, thiết bị | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 2.3 | Các giải pháp an toàn cho người, máy móc, thiết bị, vật tư cụ thể trong quá trình thi công | <p>Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; - Trình bày nội dung về ATLD đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Chương V –Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT. | Đạt |
| | | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu, không hợp lý, khả thi | Không đạt |
| 3 | Các biện pháp đảm bảo chất lượng | | |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----|---|---|------------------|
| 3.1 | Lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công. Có sơ đồ và thuyết minh đầy đủ | Có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng Có sơ đồ và thuyết minh đầy đủ | Đạt |
| | | Không có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng Hoặc không có sơ đồ hoặc không có thuyết minh. | Không đạt |
| 3.2 | Thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong các hạng mục thi công chính | Đề xuất đủ các nội dung yêu cầu và biện pháp đảm bảo chất lượng đúng yêu cầu. | Đạt |
| | | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên hoặc đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng không hợp lý | Không đạt |
| 3.3 | Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. - Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão | Có trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu. - Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão | Đạt |
| | | Không trình bày biện pháp quản lý chất lượng vật liệu hoặc sơ sài các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu Hoặc Không Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. | Không đạt |
| 3.4 | Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm sử dụng cho gói thầu, kèm theo Quyết định của phòng LAS-XD có đầy đủ các | Có chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc và phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|--|---|------------------|
| | phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu. | Không có chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc hoặc phòng thí nghiệm không đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu | Không đạt |
| IV | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| 1 | Bảo hành, bảo trì công trình | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất thời gian bảo hành công trình lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. - Có trình bày nội dung bảo hành, bảo trì công trình hợp lý, khả thi | Đạt |
| | | <ul style="list-style-type: none"> Không đề xuất thời gian bảo hành hoặc có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. Hoặc Không trình bày nội dung bảo hành hoặc bảo trì công trình hợp lý | Không đạt |
| V | Uy tín của nhà thầu | | |
| 1 | <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu trong vòng 02 năm kể thời điểm đóng thầu: Nhà thầu có cam kết kèm theo E-HSDT, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.</p> <p>(Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này)</p> | <p>Nhà thầu không vi phạm các lỗi theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>Hoặc Nhà thầu có vi phạm các lỗi theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP nhưng thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu của gói thầu này.</p> | Đạt |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có vi phạm các lỗi theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP mà không có bảo lãnh dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu của gói thầu này. | Không đạt |
| 2 | Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu (hợp đồng thi công xây dựng) trong | Nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng hoặc không thực hiện do lỗi của nhà thầu; Nhà thầu không có hợp đồng | Đạt |

| TT | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|--|------------------|
| | <p>vòng 05 năm kể thời điểm đóng thầu:</p> <p>Nhà thầu có cam kết kèm theo E-HSDT, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này)</p> | <p>bị chủ đầu tư đánh giá không đảm bảo chất lượng công trình hoặc không tuân thủ bảo hành công trình sau khi nghiệm thu (Có kèm bảng cam kết của nhà thầu) (Trường hợp có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hoặc không thực hiện không do lỗi của nhà thầu thì phải có văn bản xác nhận của chủ đầu tư)</p> | |
| | | <p>Nhà thầu có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng hoặc không thực hiện do lỗi của nhà thầu; hoặc nhà thầu có hợp đồng bị chủ đầu tư đánh giá không đảm bảo chất lượng công trình hoặc không tuân thủ bảo hành công trình sau khi nghiệm thu</p> | Không đạt |
| 3 | <p>Thực hiện các cam kết theo yêu cầu tại mục III.12 Chương V của E-HSMT</p> | <p>Có cam kết và mô tả đầy đủ, đáp ứng các yêu cầu.</p> | Đạt |
| | | <p>Không đáp ứng yêu cầu</p> | Không đạt |